

Số: /KL-SNN

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2023

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Việc quản lý và sử dụng Ngân sách Nhà nước**  
**năm 2020, 2021, 2022 tại Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia**

Thực hiện Quyết định số 211/QĐ-SNN, ngày 5/06/2023 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT thanh tra việc quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước năm 2020, 2021, 2022 của Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia. Từ ngày 14/6/2023 đến ngày 25/7/2023, Đoàn Thanh tra 211 đã tiến hành thanh tra tại Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia.

Xét báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia. Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT kết luận như sau:

**I. Khái quát chức năng, nhiệm vụ của Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia**

Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia (*sau đây gọi tắt là Hạt*) là đơn vị trực thuộc Chi cục Kiểm lâm, làm việc theo chế độ thủ trưởng. Hạt trưởng chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm, UBND huyện về mọi hoạt động của đơn vị trong việc tổ chức, chỉ đạo, điều hành thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hạt Kiểm lâm theo quy định của Nhà nước.

Về cơ cấu tổ chức: Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia gồm có 01 Hạt trưởng, 01 Phó Hạt trưởng, 04 Bộ phận giúp việc, 01 Tổ. Tổng số công chức, hợp đồng lao động trong đơn vị tính đến cuối năm 2022 là 15 người. Tại thời điểm thanh tra Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia có 17 người, biên chế chính thức là 15 người, hợp đồng lao động là 02 người; Trình độ chuyên môn: Cao học 02 người; Đại học 12 người; đào tạo khác 03 người (*lái xe, bảo vệ*); Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp LLCT: 04 đồng chí ; Các tổ, bộ phận chuyên môn: Bộ phận Hành chính - Tổng hợp 05 người; Bộ phận Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên 05 người; Bộ phận Sử dụng và phát triển rừng 02 người; Tổ Kiểm lâm cơ động và PCCCR 02 người; Bộ phận Thanh tra - Pháp chế 01 người.

**II. Kết quả thực hiện**

Theo báo cáo của Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia kết quả nhận và sử dụng ngân sách của từng năm như sau:

Đơn vị tính: đồng

| STT        | Diễn giải  | Năm 2020             | Năm 2021             | Năm 2022             | Ghi chú                      |
|------------|--|----------------------|----------------------|----------------------|------------------------------|
| <b>A</b>   | <b>NGUỒN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>                                |                      |                      |                      |                              |
| <b>I</b>   | <b>KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN</b>                                 | <b>2,635,503,500</b> | <b>2,627,093,500</b> | <b>2,831,259,500</b> |                              |
| <b>1</b>   | <b>Dự toán được sử dụng</b>                                  | <b>2,635,503,500</b> | <b>2,627,093,500</b> | <b>2,831,259,500</b> |                              |
| 1.1        | Năm trước chuyển sang  | 3,765,500            | 3,765,500            | 3,765,500            |                              |
| 1.2        | Dự toán được giao đầu năm                                    | 2,769,365,000        | 2,743,721,000        | 2,827,494,000        |                              |
| 1.3        | Dự toán giảm trong năm                                       | 137,627,000          | 120,393,000          | 0                    |                              |
| <b>2</b>   | <b>Quyết toán ngân sách</b>                                  | <b>2,631,738,000</b> | <b>2,623,328,000</b> | <b>2,827,494,000</b> |                              |
| <b>3</b>   | <b>Dự toán còn lại chuyển năm sau</b>                        | <b>3,765,500</b>     | <b>3,765,500</b>     | <b>3,765,500</b>     | Kinh phí cải cách tiền lương |
| <b>II</b>  | <b>KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN</b>                           | <b>17,050,000</b>    | <b>243,784,000</b>   | <b>77,280,000</b>    |                              |
| <b>1</b>   | <b>Dự toán được sử dụng</b>                                  | <b>17,050,000</b>    | <b>77,160,000</b>    | <b>77,280,000</b>    |                              |
| 1.1        | Dự toán được giao đầu năm                                    | 17,050,000           | 77,160,000           | 77,280,000           |                              |
| 1.2        | Dự toán được giao bổ sung trong năm                          | 0                    | 166,624,000          | 0                    |                              |
| <b>2</b>   | <b>Quyết toán ngân sách</b>                                  | <b>17,050,000</b>    | <b>243,784,000</b>   | <b>77,280,000</b>    |                              |
| <b>III</b> | <b>QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG</b>                               |                      |                      |                      |                              |
| <b>1</b>   | <b>Kinh phí được sử dụng</b>                                 | <b>49,374,000</b>    | <b>44,780,000</b>    | <b>43,610,000</b>    |                              |
| <b>2</b>   | <b>Kinh phí sử dụng trong năm được quyết toán</b>            | <b>21,754,000</b>    | <b>18,450,000</b>    | <b>16,050,000</b>    |                              |
| <b>3</b>   | <b>Kinh phí còn lại chuyển năm sau</b>                       | <b>27,620,000</b>    | <b>26,330,000</b>    | <b>27,560,000</b>    |                              |
| <b>B</b>   | <b>NGUỒN SỰ NGHIỆP</b>                                       | <b>107,500,000</b>   | <b>100,300,000</b>   | <b>98,800,000</b>    |                              |
| 1          | Dự toán được sử dụng   | 107,500,000          | 100,300,000          | 98,800,000           |                              |
| 2          | Quyết toán ngân sách   | 107,500,000          | 100,300,000          | 98,800,000           |                              |
| <b>C</b>   | <b>KINH PHÍ XỬ LÝ VPHC TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP</b>         |                      |                      |                      |                              |
| 1          | Tổng kinh phí được sử dụng                                   | 68,410,000           | 182,286,000          | 39,483,000           |                              |
| 2          | Quyết toán ngân sách   | 68,410,000           | 182,286,000          | 39,483,000           |                              |
| <b>D</b>   | <b>NGÂN SÁCH HUYỆN HỖ TRỢ CÔNG TÁC RÀ SOÁT RỪNG TỰ NHIÊN</b> |                      |                      |                      |                              |
| 1          | Dự toán được cấp   | 0                    | 0                    | 100,000,000          |                              |
| 2          | Quyết toán ngân sách   | 0                    | 0                    | 100,000,000          |                              |

### III. Kết quả kiểm tra, xác minh

Hàng năm căn cứ quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước được Chi cục Kiểm lâm Lạng Sơn giao, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, xây dựng quy chế chỉ tiêu nội bộ cơ bản đúng quy định và tổ chức thực hiện trên cơ sở tiết kiệm chi. Chi lương, các khoản phụ cấp và nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đúng, đủ cho cán bộ, công chức, lao động hợp đồng. Việc sử dụng tài sản được quán triệt đến toàn thể công chức, lao động hợp đồng nhằm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm. Việc xây dựng quy chế chỉ tiêu nội bộ được thông qua toàn thể công chức lao động hợp đồng trong đơn vị. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên dựa trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng đúng theo chế độ quy định.

### **1. Công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí**

Hàng năm, Hạt Kiểm lâm đã thực hiện việc công khai số liệu dự toán, quyết toán và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao tại Hội nghị công chức, 100% công chức, người lao động của đơn vị được thanh toán lương và các khoản phụ cấp khác qua thẻ ATM.

Việc công khai dự toán năm của đơn vị đã đảm bảo thực hiện theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thời gian công khai dự toán trong 03 năm đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 8, *Quy chế công khai tài chính, ban hành kèm theo Quyết định 192/2004/TTg- CP ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ.*

### **2. Việc xây dựng và thực hiện Quy chế chỉ tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công**

Đơn vị đã triển khai thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, *quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan Nhà nước*; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ, *sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005.* Xây dựng, ban hành Quy chế chỉ tiêu nội bộ và Quy chế quản lý tài sản công theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ, *quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước*; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính *Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công*, việc xây dựng, sửa đổi bổ sung các Quy chế được thảo luận và thống nhất tại Hội nghị cán bộ, công chức hàng năm. Việc xây dựng các quy chế cơ bản đảm bảo theo các quy định.

### **Hạn chế thiếu sót:**

Quy chế chi tiêu nội bộ chưa xây dựng theo Mẫu số 01 Hướng dẫn xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của các cơ quan thực hiện chế độ tự chủ, ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014; Một số điều trong quy chế còn trùng lặp (điểm d, e khoản 3 điều 11 và khoản 2 điều 15); Quy chế không quy định việc cấp, phát xăng xe máy khi đi thực hiện công vụ; Không quy định cụ thể việc xử lý vi phạm và giải quyết các trường hợp đặc biệt khi sử dụng vượt mức khoán theo quy định tại mục 5 Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014

**Nguyên nhân:** Việc xây dựng và ban hành quy chế không thực hiện đầy đủ theo mẫu số 01 Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ. Công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung ban hành quy chế hằng năm thực hiện chưa tốt, chưa kịp thời bổ sung, hoàn thiện các mục chi hoạt động của đơn vị dẫn đến việc không quy định cụ thể việc cấp, phát xăng xe đối với 02 phương tiện xe máy; chưa quy định cụ thể hình thức xử lý khi vi phạm và giải quyết các trường hợp đặc biệt khi sử dụng vượt mức khoán theo quy định tại mục 5 Mẫu số 01 Hướng dẫn xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của các cơ quan thực hiện chế độ tự chủ. Cần được nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm.

### **3. Việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn**

Kết quả thanh tra cho thấy, việc chấp hành dự toán được giao cơ bản đảm bảo quy định của Luật Ngân sách, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hạt đã mở sổ sách theo dõi chế độ kế toán và thực hiện chế độ khóa sổ theo quy định. Việc quản lý, bảo quản, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính, quyết toán các nguồn kinh phí cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Kế toán 2015, Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán; Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

#### **3.1 Đối với kinh phí thường xuyên**

Tổng kinh phí được giao trong 3 năm (2020 - 2022) là: 9.012.417.000 đồng, kinh phí sử dụng và quyết toán ngân sách là: 9.003.702.000 đồng. Số dư chuyển sang năm 2023 là: 8.715.000 đồng (Nguồn cải cách tiền lương tồn từ năm 2019 chuyển sang).

Qua thanh tra cho thấy, còn một số khoản chi và trình tự thủ tục chi chưa đảm bảo đúng quy định, cần được khắc phục, cụ thể:

#### **\* Chi tiếp khách**

Hóa đơn tiếp khách không ghi đầy đủ thông tin theo Điều 16, Luật kế toán 2015 và Điều 5, Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán<sup>1</sup>. Các mục ở nội dung trong hóa đơn tiếp khách chỉ ghi ngày, tháng, năm tiếp các đoàn, không ghi nội dung tiếp, lý do tiếp các đoàn, không có giấy mời hay văn bản thể hiện nội dung làm việc kèm theo chứng từ thanh toán.

Qua xem xét giải trình của đơn vị cho thấy, đây là các khoản chi thực tế phục vụ công tác của đơn vị, không có dấu hiệu vụ lợi, nhưng cần được nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm.

\* Hồ sơ, chứng từ thanh toán có lệnh điều xe nhưng không có kế hoạch công tác và không có giấy đi đường để chứng minh cho việc đi công tác<sup>2</sup>.

**Nguyên nhân:** Do tính chất công việc, thường xuyên phát sinh lịch công tác đột xuất theo tin báo như : Công tác kiểm tra, kiểm soát lâm sản, việc hủy hoại rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng... hoặc các cuộc họp đột xuất nên công chức đi công tác không kịp xây dựng kế hoạch công tác và lấy giấy đi đường. Quá trình kiểm tra hồ sơ, chứng từ và ký thanh quyết toán chưa chặt chẽ nên dẫn đến các sơ suất trên. Việc đi công tác không có kế hoạch công tác và không có giấy đi đường thực hiện chưa đúng qui định theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Hạt. Đơn vị cần nghiêm túc chấn chỉnh rút kinh nghiệm.

**\* Số km trong lệnh điều xe không đồng nhất với Giấy đi đường, cụ thể:**

Quãng đường số km giữa lệnh điều xe và giấy đi đường của công chức sử dụng xe đi công tác không khớp với nhau, có sự chênh lệch về quãng đường thanh toán công tác phí và nhiên liệu giữa hai chứng từ này<sup>3</sup>.

**Nguyên nhân:** Là do số km ghi trong giấy đi đường của công chức là số km từ trụ sở cơ quan đến UBND xã (có xác nhận của UBND xã) để làm căn cứ tính tiền phụ cấp lưu trú. Công chức đi công tác bằng xe ô tô cơ quan, số km trong lệnh

---

<sup>1</sup> Chứng từ số 52/200506 ngày 06/5/2020; Chứng từ số 60/200521 ngày 22/5/2020 về thanh toán tiền tiếp khách ngày 27/4/2020; Hóa đơn số 0030594, ngày 31/3/2020; Chứng từ số 38CK ngày 28/4/2022; Chứng từ số 131CK ngày 17/11/2022; Chứng từ 74CK ngày 13/7/2022 thanh toán tiền tiếp khách ngày 26/5/2022; Chứng từ 81CK ngày 21/7/2022 thanh toán tiền tiếp khách ngày 18/02/2022; Chứng từ số 119CK ngày 20/10/2022 thanh toán tiền tiếp khách ngày 06/9/2022; Chứng từ số 124CK ngày 28/10/2022 thanh toán tiền tiếp khách (tổng cộng là 24 lần chi với số tiền: 78.048.000 đồng).

<sup>2</sup> Chứng từ số 38/200416 ngày 16/4/2020 (Lệnh điều xe số: 25, 30, 31, 32, 33, 36, 37, 38 từ ngày 4 đến ngày 24/3/2020); Chứng từ số: 72/200618 ngày 18/6/2020 (Lệnh điều xe số 60 ngày 21/5); Chứng từ số: 119/200915 ngày 15/9/2020 (Lệnh điều xe số 91, 100, 102, 104) Tổng cộng có 4 chứng từ với 14 lệnh điều xe với tổng số quãng đường 1530 km, số nhiên liệu 231 lít dầu, thành tiền là 8.564.000 đồng.

<sup>3</sup> Lệnh điều xe số 06, 10 và giấy đi đường ngày 18/01/2022, 26/01/2022; Lệnh điều xe số 31 và giấy đi đường ngày 05/4/2022; Lệnh điều xe số 11 giấy đi đường ngày 27/01/2022 ; Lệnh điều xe số 88 và giấy đi đường ngày 07/9/2022; Lệnh điều xe số 77a và Giấy đi đường ngày 15/8/2022; Lệnh điều xe số 134 và giấy đi đường ngày 30/11/2022; Lệnh điều xe số 121 và giấy đi đường ngày 17/12/2021; Lệnh điều xe và giấy đi đường ngày 20/12/2021..... tổng cộng có 13 Lệnh điều xe và 13 giấy đi đường (Số km theo lệnh điều xe là 1953 km; số km giấy đi đường là 964 km, số km lệch là 629 km bằng 125,8 lít dầu).

điều xe và trong bảng kê lịch trình công tác là số km thực tế xe đi trên đường từ trụ sở cơ quan đến nơi công tác (thôn, bản), tương ứng với mức tiêu hao nhiên liệu của xe. Trong những năm gần đây trên địa bàn huyện Bình Gia một số tuyến đường đến trung tâm một số xã xuống cấp nghiêm trọng, xe ô tô rất khó khăn khi di chuyển nên khi đi công tác đến một số xã phải đi theo đường vòng nên số km trên lệnh điều xe không đồng nhất với số km ghi trong giấy đi đường.

Xét việc thanh toán xăng dầu, quản lý kế hoạch công tác, lệnh điều xe là thực tế, đúng đối tượng phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị. Tuy nhiên cần nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm.

**\* Chi mua sắm vật tư, trang thiết bị, sửa chữa**

- Chứng từ số 32CK ngày 18/3/2021 về trả tiền mua 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP cho Bộ phận làm việc Hành chính - tổng hợp. Chứng từ thanh toán sai số tài khoản, sai nguồn.

- Chứng từ thanh toán: Quyết định thiếu nội dung về thời gian thực hiện hợp đồng, không có quyết định về việc phê duyệt nhà thầu, biên bản thương thảo hợp đồng theo khoản 2 Điều 17 Thông tư 58/2016/TT-BTC<sup>4</sup>:

**Nguyên nhân:** Do sơ suất của kế toán trong quá trình lập giấy rút dự toán, kế toán đã ghi sai nguồn, sau khi phát hiện kế toán đã thực hiện điều chỉnh lại nguồn với KBNN tại phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách ngày 5/4/2021. Công tác lập và lưu chứng từ kế toán chưa đầy đủ, quá trình kiểm tra, ký thanh toán chưa phát hiện và xử lý kịp thời. Đơn vị đã cung cấp bổ sung cho đoàn thanh tra. Tuy nhiên đơn vị cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

**3.2 Đối với nguồn kinh phí không thường xuyên**

Tổng kinh phí được giao trong 3 năm (2020 - 2022) là: 338.114.000 đồng, kinh phí sử dụng và quyết toán ngân sách là 338.114.000 đồng. Dự toán còn lại là: 0 đồng. Qua thanh tra chưa phát hiện hạn chế thiếu sót.

**3.3 Đối với nguồn kinh phí sự nghiệp lâm nghiệp**

Tổng kinh phí được giao trong 3 năm (2020 - 2022) là: 306.600.000 đồng, kinh phí sử dụng và quyết toán ngân sách là: 306.600.000 đồng. Số dư chuyển sang năm 2023 là: 0 triệu đồng. Qua thanh tra, trong 3 năm 2020 – 2022, kinh phí sự nghiệp lâm nghiệp được chi cho công tác: Diễn tập PCCCR; Sửa biển báo; Mở hội nghị tập huấn công tác QLVR và PCCCR; Tuyên truyền lưu động; Gác lửa

---

<sup>4</sup> Chứng từ số CK 82 ngày 21/7/2021, số tiền: 5.280.000đ. Chứng từ số 42CK ngày 29/4/2022 với số tiền 7.300.000đ ; Chứng từ số 157CK ngày 26/12 về thanh toán tiền mua 02 bộ nệm với số tiền 5.560.000đ. Chứng từ số 160 ngày 27/12/2021, số tiền: 13.930.000đ. Chứng từ số 21CK ngày 03/02/2021 với số tiền 15.000.000đ. Chứng từ số 31CK ngày 18/3/2021 với số tiền 6.000.000đ và Trả tiền mua 01 cái ti vi cho phòng Hội trường hợp với số tiền 11.500.000đ. Chứng từ số 32CK ngày 18/3/2021 với số tiền 15.000.000đ. Chứng từ số 65CK ngày 27/5/2021 với số tiền 5.800.000đ. Chứng từ số 87CK ngày 21/7/2021 với số tiền 13.192.000đ theo khoản 2 Điều 17 Thông tư 58/2016/TT-BTC( 09 chứng từ bằng 98.562.000 đồng).

rừng; Cập nhật diễn biến tài nguyên rừng. Qua thanh tra cho thấy công tác chi từ nguồn sự nghiệp lâm nghiệp chưa phát hiện hạn chế, thiếu sót.

#### **4. Quản lý, hạch toán sổ sách kế toán**

Đơn vị đã tiến hành lập và quản lý sổ sách kế toán qua các năm, tuy nhiên qua thanh tra cho thấy còn tồn tại hạn chế, thiếu sót sau:

Chúng từ số 24 ngày 05/03/2021 thanh toán tiền công tác phí đi công tác trong tỉnh (1.980.000đ). Chúng từ số 126 ngày 14/10/2021 thanh toán tiền công tác phí cho cán bộ đi công tác trong tỉnh theo bảng thanh toán số 07CTP ngày 12/10/2021 (4.110.000đ). Hạch toán vào tài khoản 61112 chi vật tư công cụ dịch vụ đã sử dụng (sổ chi tiết chi phí năm 2021), hạch toán sai tài khoản.

**Nguyên nhân:** Việc quản lý, hạch toán sổ sách kế toán của đơn vị chưa đảm bảo thực hiện đầy đủ theo Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán dẫn đến việc số liệu kế toán chưa khớp, hạch toán sai, cần được nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm.

**5. Kinh phí xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.** Tổng kinh phí được giao trong 3 năm (2020 - 2022) là: 290.179.000 đồng, kinh phí sử dụng và quyết toán ngân sách là 290.179.000 đồng. Dự toán còn lại là: 0 đồng. Qua thanh tra chưa phát hiện hạn chế, thiếu sót.

**6. Kinh phí ngân sách huyện hỗ trợ công tác rà soát rừng tự nhiên.** Tổng kinh phí được giao trong năm 2022 là: 100.000.000 đồng, kinh phí sử dụng và quyết toán ngân sách là 100.000.000 đồng. Dự toán còn lại là: 0 đồng. Qua thanh tra chưa phát hiện hạn chế, thiếu sót.

#### **IV. Kết luận**

Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia cơ bản đã thực hiện đúng quy định của Nhà nước về công tác sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên, kinh phí sự nghiệp lâm nghiệp, và các nguồn kinh phí khác.

Bên cạnh những kết quả đạt được Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia còn có một số hạn chế, thiếu sót sau:

- Quy chế chi tiêu nội bộ: xây dựng chưa bám sát theo Mẫu số 01 Hướng dẫn xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của các cơ quan thực hiện chế độ tự chủ, ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014; Căn cứ để xây dựng quy chế chi ghi chung chung không nêu căn cứ cụ thể theo văn bản nào..; Một số điều trong quy chế còn trùng lặp (điểm d, e khoản 3 điều 11 và khoản 2 điều 15). Quy chế chi tiêu nội bộ không quy định cụ thể việc cấp, phát xăng xe máy khi đi thực hiện công vụ. Việc xử lý vi phạm và giải quyết các trường hợp đặc biệt khi sử dụng vượt mức khoán trong Quy chế chưa được qui định cụ thể.

- Chi tiếp khách không có văn bản, giấy mời kế hoạch công tác ... chứng minh việc các đoàn đến thăm và tổ chức tiếp khách. Hóa đơn chi tiếp khách chưa ghi đúng, đủ các nội dung theo quy định.

- Công tác quản lý xe, xăng dầu, giấy đi đường, lệnh điều xe chưa thật sự chặt chẽ, một số lệnh điều xe năm 2020, 2021, 2022 không kèm theo giấy đi đường và kế hoạch công tác.

- Công tác lập và lưu chứng từ kế toán chưa đầy đủ, quá trình kiểm tra, ký thanh toán chưa phát hiện và xử lý kịp thời.

*Nguyên nhân của hạn chế thiếu sót:*

- Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm chưa được rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời; chưa quy định cụ thể trình tự thủ tục một số khoản, nội dung chi.

- Nghiệp vụ kế toán còn hạn chế; Công tác lập và lưu chứng từ kế toán không đầy đủ, quá trình kiểm tra, ký thanh toán chưa phát hiện và xử lý kịp thời.

- Việc hướng dẫn, kiểm tra, duyệt quyết toán hàng năm của chi cục Kiểm lâm đối với Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia còn thiếu chặt chẽ, chưa phát hiện, chấn chỉnh, xử lý kịp thời.

## **V. Các biện pháp xử lý**

Để công tác quản lý sử dụng ngân sách nhà nước được tốt hơn, đúng quy định của nhà nước, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu:

### **\* Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia:**

- Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với các bộ phận, cá nhân có liên quan đến những hạn chế, thiếu sót đã chỉ ra qua thanh tra.

- Rà soát, sửa đổi, điều chỉnh và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo các quy định của Nhà nước. Quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, đúng quy định của nhà nước. Lập sổ theo dõi việc cấp phát vật tư, văn phòng phẩm theo dõi, quản lý.

- Thực hiện đúng quy định của Nhà nước về công tác chi thường xuyên và các nguồn kinh phí khác.

- Thực hiện tốt công tác lập và lưu chứng từ thanh toán đảm bảo đầy đủ, đúng quy định.

### **\* Chi cục Kiểm lâm:**

- Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với những hạn chế, thiếu sót đã nêu trên.

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, duyệt quyết toán hàng năm đối với công tác chi thường xuyên của các Hạt Kiểm lâm và kinh phí phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ, phát hiện và xử lý kịp thời những hạn chế, thiếu sót.



- Có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho công chức làm công tác kế toán nói chung, công chức kế toán mới được tuyển dụng nói riêng

Yêu cầu Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia nghiêm túc thực hiện Kết luận thanh tra này và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Thanh tra Sở) trước ngày **22 /8/2023**./.

***Nơi nhận:***

- Thanh tra tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Thanh tra Sở;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Hạt Kiểm lâm huyện Bình Gia ;
- Lưu VT, ĐTT.

**GIÁM ĐỐC**

**Lý Việt Hưng**